

Ăn mày

Gõ cửa làm chi quấy cả ngày,
Hỏi ra mới biết lão ăn mày.
Ăn mày chớ có ăn tao nhé!¹
Gạo kém, đồng khô thế mới rầy.

Bạn đến chơi nhà

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.

¹ Ăn mày, ăn tao: tác giả chơi chữ. Ca dao Việt Nam:
"Ăn mày là ai? Ăn mày là ta,
Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày".

Bỏ tiên thi

Chú huyện Thanh Liêm khéo giở trò,
"Bỏ tiên"¹ thi" lại lấy vắn bở.
Nghênh ngang vông lọng nhờ ông sù,
Ngọng nghẹo vắn chương giở giọng ngô.
Bỏ chửa miệng dân chùng bật cạp,
Tiên"² là ý chú muốn vôi xu!
Từ vàng sao chẳng luôn từ bạc,
Không khéo mà roi nó phết cho.

Bóng đèn cô đầu

Bóng người ta nghĩ bóng ta,
Bóng ta, ta nghĩ hoá ra bóng người.
Tình tình rồi mới nục cười.
Giác hồ"³ ai khéo vẽ vôi cho nên ?
Cô đào Sen là người Thi Liễu
Có làm sao ông ẹo với làng nho ?
Bóng đầu mà bóng đèn cô,
Bỗng thấy sự nhỏ to thêm thắc mắc.

¹ Cái roi bằng gỗ bỏ mà Lưu Khoan, một ông quan đời Hán nổi tiếng nhân từ, dùng để đánh tội nhân. Dưa vào điển này, tên tri huyện đã mở cuộc thi thơ và ra đầu đề là "bỏ tiên thi" ngầm ý khoe mình là người biết thương dân.

² "Tiên" nghĩa là cái roi, đồng âm với chữ "tiên" nghĩa là đồng xu.

³ Giác mộng.

Cố hữu diệc vi thân ngoại vật,
Khán lai đô thị mộng trung nhân⁽¹⁾
Sục tình ra nào biết chuyện xa gần,
Còn văng vẳng tiếng đàn lần tiếng trống.
Quần bất kiến
Thiên thai động khẩu cần tương tổng⁽²⁾;
Dấu bóng ta, ta bóng có làm sao,
Thực người hay giấc chiêm bao?

Cảm hứng^(*)

Ngày trước cũng lên lay cửa trời,⁽³⁾
Lâu nay vắng vẻ bật tâm hơi.
Nước non man mác về đâu tá?
Bạn bè lơ thơ sót mấy người.
Đời loạn đi về như hạc độc⁽⁴⁾,
Tuổi già hình bóng tựa mây trôi⁽⁵⁾
Đã hay nhờ được hao mòn lắm,
Một thớ⁽⁶⁾ lòng son chưa rõ mùi.

⁽¹⁾ Hai câu này đại ý nói: ở đời, phàm những cái gì ta có đều là vật ngoại thân cá, và ngắm lại, người đời đều ở trong giấc mộng cá.

⁽²⁾ Câu này dẫn điển Lưu Thân và Nguyễn Triệu vào núi Thiên Thai hai thuốc gáp và lấy tiên. Ở với nhau được sáu tháng, hai chàng nhớ nhà đi về, hai nàng tiên ăn cần tiên ra cửa động.

⁽³⁾ Tác giả tự dịch bài *Ki hửu*.

⁽⁴⁾ Ý nói: nhà thơ lúc làm quan cũng đã cung với bạn vào châu vua ở triều đình.

⁽⁵⁾ Con hạc một mình, không có bạn.

⁽⁶⁾ Đám mây lẻ loi.

^(*) Một chút.

Cáo quan về ở nhà^(*)

Ngán ấy năm nay vẫn ở nhà,
Nghi ta, ta lại chỉ thương ta.
Bóng hiên thêm ngán hơi nông nhĩ,
Ngọn gió không nhường tóc bạc a!
Thừa mạ rạch rồi chân⁽¹⁾ xấu tốt,
Đấu lương đo đắn tuổi non già⁽²⁾.
Khi buồn chén rượu say không biết,
Ngừa mặt lờ mờ ngọn núi xa.

Chế ông đồ Cử Lộc

Văn hay chữ tốt ra tuông,
Văn dai như chèo, chữ vuông như hòm.
Về thầy như về con tôm,
Về tay ngoáy cám, về mồm húp tương.
Về lịch sự ai bằng thầy Cử Lộc,
Về cô đầu nói móc có vài câu:
Anh chẳng sang, mà cũng chẳng giàu.
Hầu bao nich, rận bâu quanh chiếu;
Khăn nhuộm lờ lờ mùi nước điếu,
Nón son không méo cũng không tròn.
Quần vải thô, ngại giặt ngả màu son,
Giày cóc gặm, nhật dây đàn khâu lầy.

^(*) Tác giả tự dịch bài *Man hứng*.

⁽¹⁾ Tức chân ruộng.

⁽²⁾ Đông thóc sành sỏi.

*Phong lưu ấy, mà tình tính ấy,
Đến cô đầu, vẫn thấy lá loi bông,
Xinh thay diện mạo anh hùng!*

Chốn quê

*Năm nay cây cấy vẫn chân thua,
Chiêm mất đảng chiêm, mùa mất mùa.
Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,
Nửa công đũa ở, nửa thuê bò.
Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
Chợ búa trâu chè chẳng dám mua.
Tàn tiện thế mà không khá nhi?
Nhờ trời rồi cùng mây gian kho.*

Chợ Đông

*Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đông,
Năm nay chợ họp có đông không?
Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.
Ném rượu, tường đèn¹ được mấy ông?
Hàng quán người về nghe xáo xác,
Nợ nần năm hết hỏi lung tung.
Đã ba ngày nữa tin xuân tới.
Pháo trúc² nhà ai một tiếng đùng.*

¹ Chợ Đông họp ngay ở bên cạnh một ngôi đền. Xung quanh đền lại đắp tường đất dày bao bọc, gọi là tường đèn.

² Trúc đốt trong lửa, có tiếng nổ to.

Chơi chợ trời Hương Tích

*Ai đi Hương Tích chợ trời đi!
Chợ họp quanh năm cả bốn thì.
Đổi chác người tiên cùng khách bụi,
Bán buôn gió chị lại trăng dì.
Yến anh chào khách nhà mây tỏa,
Hoa quả bày hàng điểm cỏ che.
Giá áo, lọn, tầm, tiền, gạo đủ.
Bán mua mặc ý muốn chi chi.*

Chơi núi Non Nước^(*)

*Chom chòm trên sông đá một hòn,
Nước trôi sóng vỗ biết bao môn?
Phơ đầu đã tự đời Bàn Cổ¹,
Bia miệng còn đeo tiếng trẻ con.
Rừng cúc tiên triều² trơ mốc thếch,
Hòn câu Thái phớ³ tảng rêu tròn.
Trái bao trăng gió xuân già giã,
Trời dẫu già, nhưng núi vẫn non.*

^(*) Núi Non Nước là một thắng cảnh nằm ven bờ sông Dáy ở TP Ninh Bình.

¹ Ông Bàn Cổ sinh từ lúc mới có trời đất.

² Triều vua thời trước.

³ Hòn câu Thái phớ: Tảng đá mà Thái phó Trương Hán Siêu đã ngồi câu cá.

Chừa rượu

*Những lúc say sưa cũng muốn chừa,
Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa.
Hay ưa đến nỗi không chừa được,
Chừa được nhưng mà cũng chẳng chừa.*

Cô tiểu nữ ngày

*Ôm tiu, cấp mô ngáy kho kho,
Gió lọt buồng thiền mát mẻ cô.
Then cửa từ bi cài lòng chốt,
Nén hương tế độ đốt đầy lò.
Cá khe lắng kệ đầu ngơ ngác,
Chim núi nghe kinh cổ gặt gù.
Nhấn bảo chúng sinh như muốn độ,
Sẽ quỳ, sẽ niệm, sẽ nam mô.*

Cua chơi trăng

*Vằng vặc đêm thu ánh xé chùng,
Ham thanh, cua mới muốn chơi trăng.
Nghiêng mai lách ngược qua dòng biếc,
Ghé yếm bò ngang nhón bóng hăng.
Cung quế chòn vòn hương mới bén,
Vườn đào thoang thoang gió như nâng.
Mọt mai cá nước cua vui phận,
Trăng muốn tìm cua, dễ được chăng?**

* Tương truyền khi tác giả còn ít tuổi, mắt ông đã kèm nhèm, vậy mà lại

Cuốc kêu cảm hứng

*Khắc khoải đưa sầu giọng lừng lơ,
Ấy hồn Thục đế¹⁾ thác bao giờ?
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ.
Thâu đêm rờn rã kêu ai đó,
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ*

Duyên nợ

Muốn:

*Cái duyên hay cái nợ nần,
Khi xa xa lác, khi gần gần ghé.
Dấu hồng còn gửi tuyết nê,
Khi bay nào biết đông tê bóng hồng.²⁾*

ngáp nghe con gái một ông cừ ở làng bên. Cô này đem chuyện mách cha, ông cừ liền cho mời ông đến, buộc phải làm bài thơ, lấy đầu đề là “Cua chơi trăng”, lấy chữ “trăng” làm vần. Thấy cái đầu đề có vẻ dè bieu, ông tuy bực mình, song cũng ngâm ngay 8 câu, ý nói “ngày nay khinh cua, nhưng rồi cua gặp hội may (thi đỗ), bấy giờ trăng muốn tìm cua chưa chắc đã được”.

¹⁾ *Thục đế* do điển cũ cho rằng vua nước Thục mất nước, lúc chết hóa cuốc, nhớ nước đêm đêm lại kêu rờn rã “Thục quốc! Thục quốc!”.

²⁾ Do câu cổ thi “Hồng phi na phục kế đông tê” (Chim hồng bay đi nào kể gì bên đông, bên tây).

Nói:

Giai nhân nan tái đắc⁽¹⁾,
Mười ba năm một giấc bâng khuâng.
Động hơi thu chợt nhớ đến vầng trăng,
Chén non nước tưởng chừng đâu bữa nọ.
Quá nhân quang âm quân dĩ ngộ,
Thiếu thời phong độ ngã do liên.⁽²⁾
Lại may mà gió mát đưa duyên,
Mượn thơ thánh, đàn tiên khuấy chuyện cũ.
Đối từ mặc để ly biệt⁽³⁾,
Chón non Vu vân vũ⁽⁴⁾ hãy đi về.
Cánh hồng nào biết đông tê.

Đại lão

Năm nay tứ đã bảy mươi tư,
Rằng lão, rằng quan tứ cũng ừ.
Lúc hứng, uống thêm dấm chén rượu,
Khi buồn ngâm lão một câu thơ.
Bạn già lớp trước nay còn mấy?
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như⁽⁵⁾.
Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa,
Thử xem trời mãi thế này ư?

Đi Cầu Nôm^(*)

Thiên hạ bao giờ cho hết đi?
Trời sinh ra cũng để mà chơi!
Để mấy khi làm đi gặp thời,
Chơi thủng trống long dùi âu mới thích
Đi bao từ càng chơi càng lịch,
Tha hồ cho khúc khích chị em cười:
Người ba đấng, của ba loài¹,
Nếu những như ai thì đi mốc.
Đi mà có tàn, có tán, có hương án, có bàn đọc²
Khá khen thay làm đi có tông³
Khắp giang hồ chẳng chón nào không.
Suốt Nam Bắc Tây Đông đều biết tiếng
Đi mười phương chơi cho đủ chín,
Còn một phương để nhin lấy chồng.
Chém cha cái kiếp đào hồng⁴,
Bạn với kẻ anh hùng cho đứng số.
Vợ bọm, chồng quan, danh phận đó,
Mai sau ngày gió có vãn nôm.
Cha đời con đi cầu Nôm.

Cầu Nôm: thuộc làng Đại Đông ở Hải Hưng, nằm ven quốc lộ số 5. Ở đây có nghề đúc nồi đồng đem bán khắp nơi và mua nồi hỏng về đúc lại. Ca dao có câu: *Nồi nát lại về Cầu Nôm/ Con gái nó móm về ở với cha.*

Nguyễn Khuyến dùng danh từ Cầu Nôm với dụng ý là làm đi khắp nơi, cuối cùng lại về quê quán

¹ Dẫn ý câu tục ngữ: *Người có người tốt, người xấu/ Của có của tốt, của xấu*

² *Đi mà có tàn, có tán, có hương án, có bàn đọc*: Có lẽ ở đây nhà thơ nói đến Tư Hồng, một nhân vật lúc ấy làm đi lấy Tây.

³ Có nói.

⁴ Kiếp trăng hoa.

⁽¹⁾ Người đẹp khó mà gặp lại được.

⁽²⁾ Thi giờ qua mắt vùn vụt người đã làm rồi, Phong độ lúc thiếu niên ta còn tiếc đó.

⁽³⁾ Trước chén rượu chớ nên nhắc đến chuyện ly biệt.

⁽⁴⁾ Mây mưa núi Vu Sơn - Ý nói chuyện mây mưa trai gái theo điểm tích xưa.

⁽⁵⁾ Đời mười phần không vừa ý mình đến tám, chín phần.

Gái goá than lụt

Con tạo ghen chi gái má hồng,
Mà đem nước đến vô tầm vòng¹⁾.
Gió lùa cửa cống bèo man mác,
Trăng xỏ buồng trai bóng phập phồng.
Những sợ anh kinh rình dưới rốn,
Lại lo chú chuôi lẩn bên hông.
Quản chi điểm phấn trang hồng nữa,
Chi biết nơi sâu với chốn nông.

Gái rửa ... bờ sông^(*)

Thu vén giang sơn một cấp tròn,
Nghìn thu sương tuyết vẫn không mòn.
Biết chăng chi có ông Hà bá²⁾,
Mím mẹp cười thắm với nước non.

¹⁾ *Tâm vòng*: Ở đây chi tiếng song vô như trẻ con vô tay chơi trò "tập tâm vòng".

¹⁾ Theo TVNK (*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971), đầu đề bài này, một số bản chữ Nôm chép là "Gái gái bờ sông". TVNK đổi lại cho đỡ tục là "Hỏi đá" thì không hợp. Theo ý nhà văn Nguyễn Công Hoan (*Tạp chí Văn học* số tháng 5 - 1972) phải là "Gái rửa dít bờ sông" mới hợp. Chúng tôi theo ý kiến sau.

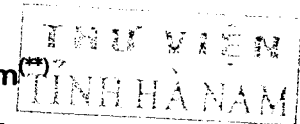
²⁾ *Hà bá*: vị thần cai quản dưới sông, theo tin ngưỡng trước đây..

Gửi bạn tu thư^(*)

Nhấn nhủ tu thư hồi các ngài,
Đã tu tu kỹ, chớ tu luôi!
Góp chung ba bốn năm môm lại,
Rồi để trăm nghìn vạn mất coi.
Bút gác núi Nùng thêm vẻ rạng,
Mực mài sông Nhị ngát hương trôi.
Bê ba sẵn sách đem mà học,
Để tiếng khoa danh biết mấy đời.

Gửi đốc học Hà Nam^(*)

Ông về đốc học bấy lâu nay,
Gần đó mà tôi vẫn chữa hay!
Tóc bạc răng long chùng đã cụ,
Khăn thâm áo thụng cũng ra thầy!



^(*) Năm đầu Duy Tân (1907), triều đình lập ban tu thư gồm một số khoa bảng để biên khảo sách giáo khoa mới, sửa đổi phép học và phép thi cử, tác giả làm thơ tặng các nhân viên trong ban này.

^(*) Bài này nhà thơ gửi cho ông tuần phủ Trần Dịch là bạn học, người làng Tiên Khoán, huyện Bình Lục (Hà Nam). Ông Dịch vốn có tính keo kiệt bủn xỉn, do đó thường bị nhà thơ giễu cợt, dả kích luôn. Về sau ông Dịch được bổ làm ngự sử ở Kinh, lại hiềm khích riêng đối với nhà thơ. Lúc ông Dịch hưu quan về nhà, chi lo chi thú làm giàu rồi bị mất cướp. Nhân đó nhà thơ gửi bài này "hỏi thăm". Ông Dịch tức lắm, có bài họa lại:

*Ông thăm tôi cũng già ơn ông,/ Cũng tương vun thu phòng lúc thiếu./
Nào ngờ ky cóp lại như không./ Gớm cho những kẻ đen tai mắt,/ Chẳng
nè ông già bạc tóc lông./ Ông hỏi thăm tôi, tôi biết vậy!/ Thương ông tuổi
tác, cháu thời nông.*

Học trò kẻ chợ, trâu dẫm miếng¹⁾,
Khảo khóa ngày xưa quyển một chầy²⁾.
Bổng lộc như ông không mấy nhỉ!
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương Tây!

Gửi người con gái xóm Đông - I

Mượn gió đưa thư tới xóm Đông,
Hỏi người thực nữ muốn chồng không?
Rắp mong chờ đợi người quân tử,
Hay sắp đèo bồng kẻ phú nông?
Hay muốn đem thân nương dài các?
Hay buồn phận bạc hóa long đong?
Tình trong yếu điệu đà nên gái,
Đáng bậc, coi chừng muốn lấy ông!³⁾

Gửi người con gái xóm Đông - II

Đòi ta giao ước với tơ hồng
Vàng đá đính ninh đã quyết lòng
Chén dạn trên soi thời nhật nguyệt,
Lời nguyện dưới xét có non sông,

¹⁾ Ngày xưa, học trò đến xin học thường phải có coi trâu làm lễ thầy.

²⁾ Một chầy: tức một tiền

³⁾ Ông: ông già, ngụ ý cô gái "già kén kén hom". Ngoài ra, cũng có thể hiểu là tác giả chỉ người có địa vị trong xã hội cũ, vừa để chỉ mình theo lối song quan. Xin dẫn hai cách hiểu để bạn đọc tham khảo.

Liều đào đông cựu lai như nhất,
Mai trúc xuân tân nối chữ đồng¹⁾.
Một bức tờ này lòng gắn bó,
Gìn vàng giữ ngọc để cam công.

Hỏi phổng đá

Mưu:

Người đâu tên họ là gì?
Khéo thay chích chích chi chi nực cười
Dang tay ngửa mặt lên trời
Hãy còn lo tính sự đời chi đây

Hát nói:

Thấy phổng đá lạ lòng muốn hỏi
Có sao lên lời đến chi đây?
Hay tưởng trong cây cỏ nước non này
Chi cũng rắp ran tay vào hội Lạc²⁾
Thanh sơn tự tiểu đầu tương bạc
Thương hải thủy tri ngã diệc âu³⁾
Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu
Túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác

¹⁾ Cả hai câu có nghĩa: cây liễu, cây đào, mùa đông đến vẫn trước sau như thế; cây trúc, cây mai xuân mới sẽ nối chữ đồng. Đại ý là hò hẹn thủy chung, mùa xuân tới sẽ cưới.

²⁾ Lạc Dương ký anh hội, một tao đàn thơ đời Tống do Văn Ngạn Bác đứng đầu.

³⁾ Chốn núi xanh ta tự cười mình đâu sắp bạc trụi hỏi; Ở nơi biển xanh, ai biết đâu ta cũng là một con chim âu.

*Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác.
Cuộc tình say, say tình một vài câu
Nên chẳng đá cũng gặt đầu.*

Hỏi quan tuấn mất cướp

*Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông,
Nó lại lời ông đến giữa đồng.
Láy của đánh người quân tề nhi!
Thân già da cóc có đau không?
Bây giờ mới khê sảy da trán,
Ngày trước đi đâu mất mấy lông.
Thôi cũng đừng nên ky cốp nữa.
Kẻo mang tiếng đại với phường nông!*

Hoài cổ

*Nghĩ chuyện đời xưa cũng nực cười
Sự đời đến thế, thế thời thôi!
Rừng xanh núi đỏ hơn ngàn dặm
Nước độc ma thiêng mấy vạn người.
Khoét rỗng ruột gan trời đất cả,
Phá tung phen giậu hạ di¹⁾ rồi.
Thôi thôi đến thế thôi thôi nhi,
Mây trắng về đâu nước chảy xuôi.*

¹⁾ *Hạ*: trong bài này chỉ đất trung châu; *Di*: chỉ nơi bờ cõi. *Phen giậu hạ di*: chỗ phân cách đồng bằng và miền núi.

Hoạn Thư ghen

*Chị Hoạn ghen tuông khéo giở đời
Cơ duyên lỏng lẻo buộc chân người
Cánh bướm mặt bể vừa êm sóng
Vó ký chân đèo bỗng đến nơi
Con ở gần ngơ nhìn mặt chủ
Nhà thầy tung hứng mất đồ chơi
Ông trời rõ khéo chua cay nhi
Một cuộc bày ra cũng nực cười.*

Học trò phụ công thầy

*Bấy lâu trú ngụ chốn sơn đông¹⁾,
Bảo chúng lên rồi chúng phụ công.
Bể thánh minh mông nhờ cái ốc²⁾,
Rừng nho lai láng bắt con ong³⁾.
Nâng niu nòng nọc đà nên cóc,
Điu dất liu diu cũng hóa rồng.*

¹⁾ *Sơn đông*: phía Đông núi. Đôi theo những nơi tác giả dạy học thời trẻ, phần lớn đều ở phía Đông núi như Nho Quan, Kỳ Cầu, Liễu Đài...

²⁾ Cả câu: Thành ngữ ta có câu "Nhật như nước ốc ao bè". Có thể tác giả muốn mỉa mai cái thái độ nhạt nhẽo của học trò đối với đạo học.

³⁾ Cả câu: Thành ngữ có câu "Nuôi ong tay áo". Có lẽ ý nói đến sự phản trắc.

*Cửa Vũ những toan loai trắm chép¹⁾,
Đòng đong, cân cần đỗ mỗi không²⁾.*

Hội Tây^(*)

*Kia hội thăng bình³⁾ tiếng pháo reo
Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo
Bà quan tênh nghếch xem bơi trái⁴⁾
Thằng bé lom khom ghé hát chèo.
Cậy sức cây đu nhiều chị nhún,
Tham tiền cột mỡ⁵⁾ lắm anh leo.*

¹⁾ *Cửa Vũ*: Vào khoảng tháng ba, tháng tư âm lịch, có nước to chảy xiết, cá chép thường ngược dòng vượt lên tìm những chỗ cạn có nhiều cỏ hoặc rong rêu để đẻ trứng. Tương truyền, cá chép vượt Vũ môn để hóa rồng. Trong văn học cổ điển, thường dùng điển này để chỉ học trò đi thi, đỗ cao, hoặc có người hiền tài trải qua khó khăn, thử thách. Ca dao xưa của ta có câu:

Tháng tư cá đi ăn thề,

Đến kỳ thăng tam cá về Vũ môn.

²⁾ *Đòng đong, cân cần*: loại cá đẹp, ít có giá trị, nhưng khi câu, chúng lại rìa tốn mồi. Hai câu này có ý nói: những mong dạy học trò có tài chí lớn làm nên, ai ngờ họ chỉ là lũ kém hèn như lũ cá đòng đong, cân cần, chỉ có thể rìa mồi câu, làm thầy mất công mất sức.

^(*) *Hội Tây*: ngày kỷ niệm Cách mạng tư sản Pháp thắng lợi (14-7-1789). Hội Pháp thuộc, hàng năm cứ đến ngày này, thực dân tổ chức hội hè rất linh đình khắp các tỉnh lỵ, nhất là ở Hà Nội với các trò chơi rất đê tiện như liếm chảo, chọc thủng, leo cột mỡ... để làm trò mua vui cho mọi người.

³⁾ *Hội thăng bình*: hội mừng được thái bình, vui vẻ. Đây ý nói hội 14-7.

⁴⁾ *Trái*: một loại thuyền thoi làm bằng gỗ dùng để đua thuyền.

⁵⁾ *Cột mỡ*: một cột cao bằng gỗ bào nhẵn, bôi mỡ và tròng xuống đất, trên đỉnh có đeo tiền hoặc đồ dùng làm giải thưởng. Nhiều người ham giải leo lên lại bị tụt xuống đất, làm trò cười cho mọi người.

*Khen ai khéo vẽ trò vui thế,
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu!*

Kẻ trộm mất trộm

*Mây đi khoét lấy của người dầy,
Lại có người theo khoét của mây
Canh bạc biết đâu là lỗ lãi,¹⁾
Vòng duyên thôi cũng tại giông may.²⁾
Hóa thua cụ Ngạn đừng cho lụa³⁾,
Nét kém thầy Vương chớ ném cây⁴⁾,
Gẫm chín cuộc đời đâu chẳng thế,
Kiếm ăn không những một phường bay!⁵⁾*

¹⁾ Câu này tác giả dịch thoát ý câu thơ chữ Hán “Doanh thâu thiên chuyển vô thành cục”. Tác giả cụ thể hóa thành canh bạc.

²⁾ Câu này tác giả cũng dịch thoát ý câu thơ chữ Hán “Xuất nhập tuần hoàn nhược túc duyên” (Ra rồi lại vào, vào rồi lại ra, duyên ra vào đã như định sẵn).

Ở cả hai câu, tác giả đã nâng trạng thái, động tác của kẻ trộm thành triết lý.

³⁾ *Cụ Ngạn*: tức Ngạn Phương tên tự của Vương Liệt, người đời Đông Hán, nổi tiếng nhân nghĩa. Trong làng có người ăn trộm trâu bị bắt quả tang, anh ta xin chịu tội, chỉ tha thiết đừng nói cho Ngạn Phương biết. Ngạn Phương biết chuyện, khen ngợi anh ta và gửi cho một tấm lụa. Ít lâu sau, chính anh ta bắt được một thanh gươm ở đường, đã ngồi đợi trả lại tận tay người mất.

⁴⁾ *Thầy Vương*: tức Vương Chiêu Tổ đời Tống, là người có đức hạnh được mọi người mến phục. Khi ông làm bác sĩ ở Quốc tử giám, có người cay cống toan vào lấy trộm đồng rui nhà ở phía trong. Chiêu Tổ biết, lặng lẽ cho người đem từng cái rui luồn ra ngoài cổng cho kẻ trộm lấy. Kẻ trộm hổ thẹn quá, từ đấy bỏ nghề.

⁵⁾ Tự dịch bài *Đạo thất đạo*.

Khai bút

Ính ịch đêm qua trống các làng,
Ai ai mà chẳng rước xuân sang.
Rượu ngon nhấp giọng đưa vài chén,
Bút mới xô tay thử một hàng.
Ngoài lũy nhấp nhô cò cụ Tổng¹,
Cách ao lệt đệt pháo thầy Nhang².
Một năm một tuổi, trời cho tớ,
Tuổi tớ trời cho, tớ lại càng...³

Khóc Dương Khuê^(*)

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở đặng khoa⁴ ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?⁵

¹ Tục cụ Tổng Hào ở gần nhà Nguyễn Khuyến, nhà giàu có, xung quanh nhà có lũy tre bao bọc xanh tốt um tùm, chim cò về đậu ở đây rất nhiều.

² Ở cách nhà Nguyễn Khuyến một cái ao.

³ Câu này rút ý câu tục ngữ: *Càng già, càng dẻo, càng dai.*

⁴ Dương Khuê (1839-1902) người làng Văn Đình, huyện Sơn Minh, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Ứng Hòa, Hà Nội) đỗ cử nhân cùng khoa với Nguyễn Khuyến, bạn thân của tác giả; Đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1868) làm quan đến Thượng thư hàm Tham tá Nha kinh lược Bắc Kỳ.

⁵ Đi thi đỗ.

⁶ Cả câu ý nói: sự gặp gỡ tự nhiên chẳng khác nào duyên trời xui khiến.

Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;
Có khi tảng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang¹;
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương ấm ấp bầu xuân,
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần² trước sau,
Buổi dương cử³ cùng nhau hoạn nạn,
Phận đấu thăng⁴ chẳng dám tham trời;
Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
Trước ba năm gặp bác một lần;
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can⁵,
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày;
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.

¹ *Cầm xoang*: cung đàn và giọng hát.

² Đọc sách, tra cứu.

³ *Buổi dương cử*: theo Luật lịch chí thi trong một nguyên có 4617 năm, 106 năm đầu là hội “dương cử” trong đó có 9 năm bị hạn tai, nên cũng gọi là “ách hội”, thường dùng để chỉ vận hội suy bi, thời buổi suy đồi v.v...

⁴ Đấu, thăng, đơn vị đo lường ngày xưa. Câu này ý nói: trước cảnh đời đổi thay phải từ quan về, nhà thơ không dám tham công danh bổng lộc nữa.

⁵ Tinh thần chưa can: ý nói còn khỏe mạnh.

Ai chẳng biết chán đời là phải,
 Vội vàng sao đã mãi lên tiên;
 Rượu ngon không có bạn hiền,
 Không mua không phải không tiền không mua.
 Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
 Viết đưa ai, ai biết mà đưa;
 Giường kia treo¹⁾ những hững hờ,
 Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn²⁾.
 Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
 Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương;
 Tuổi già hạt lệ như sương,
 Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!³⁾

Khuyên Từ Hải hàng

Phút chốc đem thân bỏ chiến trường,
 Ba quân ngơ ngác ngọn cờ hàng
 Sá chi bèo bọt, tôi vì nước
 Thẹn với non sông, thiếp phụ chàng!
 Phận tử ni non đàn bạc mệnh,
 Duyên may run rui lưới Tiền Đường.
 Mười lăm năm ấy người trong mộng,
 Há những là đây mới đoạn trường.

¹⁾ Trần Phôn đời Hậu Hán, dành riêng cho bạn thân một cái giường khi bạn đến thì mời ngồi, lúc bạn về thì treo lên.

²⁾ Câu này nhắc lại tích Bá Nha và Chung Tử Kỳ, hai bạn tri âm. Khi Chung Tử Kỳ mất thì Bá Nha đập nát cây đàn không gảy nữa.

³⁾ Tự dịch bài *Văn đồng niên Văn Đình tiến sĩ Dương thượng thư*

Khuyên vợ cả

Ta chẳng như ai lối nguyệt hoa
 Trước là ngắm nghĩ nỗi gần xa:
 Lấy năm thì cũng dành ngôi chính¹⁾,
 Dấu bầy càng thêm vũng việc nhà²⁾.
 Mọi việc của nhà là việc nó,
 Máy con trai gái ấy con ta.
 Thôi đừng nghĩ sự chi chi cả:
 Chẳng chữ gì hơn chữ thuận hòa!

Kiểu bán mình chuộc cha

Thằng bán tơ kia giờ giới ra,
 Làm cho bạn đến cụ Viên già.
 Muốn êm phải biện ba trăm lạng,
 Khéo xếp nên liều một chiếc thoa.
 Nổi tiếng mượn màu sơn phấn mự³⁾,
 Dem thân chuộc lấy tội tình cha.
 Có tiền việc ấy mà xong nhỉ?
 Đời trước làm quan cũng thế a?

¹⁾ *Lấy năm*: lấy năm vợ, dù có lấy nhiều bà chẳng nữa, thì người "chính thất" người vợ cả vẫn giữ được vị trí xứng đáng (Nguyễn Khuyến 4 vợ).

²⁾ *Dấu bầy*: yêu dấu nhiều người.

³⁾ *Mự*: tức Tú Bà.

Kiểu chơi tết Thanh minh

*Vì chẳng đua chơi hội Đạp thanh
Làm sao mang lấy nợ ba sinh
Kẻ còn người khuất hai hàng lệ
Trước lạ sau quen một chữ tình
Nghĩ đến suối vàng thương phận đục
Nỡ đem lá thắm phụ xuân xanh
Trong khuôn tài sắc trời hay ghét
Trăng gió xưa nay chẳng một mình.*

Lấy Tây

*Con gái đời này, gái mới ngoan,
Quyết lòng ấu chiến với Tây quan.
Ba vương phát phối cờ bay dọc
Một bức tung hoành vấy xắn ngang.
Trời đất khéo thương chàng bạch quý⁽¹⁾
Giang san riêng sướng ả hồng nhan
Nghĩ càng thêm ngán trai thời loạn,
Con gái đời nay, gái mới ngoan!⁽²⁾*

⁽¹⁾ *Bạch quý*: Chỉ tên người Pháp.

⁽²⁾ *Con gái đời nay, gái mới ngoan!*: Tác giả tỏ thái độ chua chát trước cảnh "lấy Tây" của gái Việt thời đó.

Lên lão^(*)

*Ông chẳng hay ông tuổi đã già,
Năm mươi ông cũng lão đây mà!
Anh em, làng xóm xin mời cả,
Giò bánh, trâu heo, cũng gọi là!
Chú Láo bên người lên với tớ⁽¹⁾
Ông Từ ngô chợ lẽ cùng ta⁽²⁾.
Bây giờ đến bậc ăn dung⁽³⁾ nhỉ?
Có rượu thời ông chống gậy ra.*

Lời gái goá

*Chàng chẳng biết gái này gái goá,
Buồn nằm suông, suông cả áo com.
Khéo thay cái mụ tá uôm⁽⁴⁾.
Dem chàng trẻ tuổi ép làm lưá đôi.*

^(*) Theo phong tục ở quê tác giả trước đây, nam giới đến 50 tuổi thì vào ban lão làng trông coi việc tế lễ; 60 tuổi lên lão cụ. Không có lệ lên lão 55. (Theo cụ Nguyễn Đức Trung, chất rẻ nhà thơ).

⁽¹⁾ Làng Vị Hạ trước cách mạng gồm hai giáp: Đông và Đoài. Giáp nọ gọi giáp kia là "giáp bên người". Nhà thơ ở giáp Đông, chú Láo (không phải chú Đảo như TVNK chép) ở giáp Đoài vì vậy mà nói là "bên người".

⁽²⁾ Ông Từ: tên thực là Mai Đặc ở xóm chợ gần làng Vị Hạ. Vì ông này giữ chức thủ từ (trông coi đình) nên dân làng quen gọi là ông Từ.

⁽³⁾ Ăn dung: ăn không. Câu này ý nói: nhà thơ đã lên lão, được miễn mọi việc đóng góp trong phe giáp, được hưởng mọi quyền lợi ăn uống ở chốn đình trung và phần lễ biếu khi có tuần tiết như các bộ lão khác.

⁽⁴⁾ Chỉ người mai mối.

Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc,
Gái già này sức vóc được bao?
Muốn sao, chiều chẳng được sao.
Trước tuy sum họp, sau nào được lâu?
Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc,
Chẳng ngờ rằng đời rách hổ người;
Vốn xưa cha mẹ dặn lời,
Tư bôn⁽¹⁾ lại phải kẻ cười người chê.
Hôi mù hôi, thương chi thương thế?
Thương thì hay, nhưng kẻ chẳng hay.
Thương thì gạo vải cho vay,
Lấy chồng thì gái goá này xin van!^(*)

Lục hỏi thăm bạn

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu,
Lục lợi năm nay bác ở đâu?
Mấy ổ lợn con rày lớn bé?
Vài gian nếp cái ngạp nông sâu?
Phận thua suy tính càng thêm thiệt,
Tuổi cả chơi bời họa sống lâu.
Em cũng chẳng no mà chẳng đói,
Thung thăng chiếc lá rượi lung bầu.

⁽¹⁾ Chỉ người con gái chốn nhà đi theo trai.

^(*) Tác giả tự dịch bài *Ly phụ hành*.

Lời vợ người phường chèo

Xóm bên đông có phường chèo nọ,
Đương nửa đêm gọi vợ chuyện trò:
Rằng: "Ta thường làm quan to,
Sao người coi chẳng ra trò trông chi?"
Vợ giận lắm mắng đi mắng lại:
"Tuổi đã già sao dại như ri?
Đêm hôm ai chẳng biết chi,
Người ta biết đến thiếp thì hổ thay!
Ở đời có hai điều nên sợ:
Sống chết người, quyền ở trong tay.
Thế mà chàng đã chẳng hay,
Còn ai sợ đến phường này nữa chẳng?
Vả chàng vẫn lẳng nhăng tưng kiết,
Cuộc sinh nhai chèo hát qua thì,
Vua chèo còn chẳng ra gì,
Quan chèo vai nhợ^(*) khác chi thẳng hề"

^(*) Vai nhợ. Người đóng trò bôi mặt lem nhem.

Mẹ Mốc

*So danh giá ai bằng mẹ Mốc,
Ngoài hình hài, gấm vóc chẳng thêm ra,⁽¹⁾
Tấm hồng nhan đem bôi lấm xoá nhoà,
Làm thế để cho qua mắt tục.
Ngoại mạo bất cầu như mĩ ngọc,
Tâm trung thường thủ tự kiên kim⁽²⁾
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm đềm một tiết⁽³⁾.
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
Mảnh gương trinh vắng vặc quyết không nho,
Đắp tai gánh mặt làm ngơ,
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.
Khôn kia dễ bán dại này!*

⁽¹⁾ Mẹ Mốc quê ở gần làng Yên Đổ. Cô còn trẻ, có nhan sắc, có vốn liếng, mà chồng lại đi xa. Trong hạt nhiều chàng chồng gheo toan ép liễu nài hoa. Cô bèn giả điên dại, thoa tro than vào người, xé rách quần áo, chú ý che mặt bọn kia để khỏi bị quấy nhiễu trong khi chờ chồng về. Nguyễn Khuyến sau khi cáo quan về nghỉ ở nhà, người Pháp luôn tìm mọi cách để mời ông ra giúp. Ông phải viện mọi lẽ để từ chối. Nhân thấy mẹ Mốc giả điên dại, ông bèn làm bài ca trù này để ký thác tâm sự của mình.

⁽²⁾ Hai câu này đại ý nói: mặt ngoài không cần đẹp như ngọc, nhưng trong lòng hằng giữ bền như vàng.

⁽³⁾ Khi tiết.

Muốn lấy chồng

*Bực gì bằng gái trực phòng không?
To tưởng vì chung một tấm chồng.
Trên gác rồng mây ngao ngán đợi,
Bên trời cá nước ngán ngơ trông.
Mua vui, lắm lúc cười cười guọng,
Giả dại, nhiều khi nói nói bông.
Mới biết có chồng như có cánh,
Giang sơn gánh vác nhẹ bằng lòng.*

Mừng con dựng được nhà

*Nghi ta, ta cũng sướng ru mà,
Mừng thấy con ta dựng được nhà
Năm mới lệ thường thêm tuổi một,
Cỗ phe ngồi đã chóc bàn ba.⁽¹⁾
Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu dốc,
Chữ “dại” đầu năm xổ túi ra.⁽²⁾
Một khóm thủy tiên năm bảy cụm,
Xanh xanh như sắp thập thò hoa.*

⁽¹⁾ *Cỗ phe ngồi đã chóc bàn ba*: Bữa tiệc do phe giáp làm lễ mừng thọ các bậc bố lão. Ở đây ý nói nhà thơ cũng đã vào bậc bố lão 60 tuổi trở lên rồi.

⁽²⁾ Ý nói ngấm vịnh nhiều.

Mừng đốc học Hà Nam

Ông làm đốc học bấy lâu nay,
Gần đó mà tôi vẫn chưa hay.
Tóc bạc răng long chùng đã cụ,
Khăn thâm áo thụng cũng ra thầy.
Học trò kẻ chợ trâu dẫm miếng,
Khảo khóa ngày xưa quyền một chầy¹.
Bông lộc như ông không mấy nhi?²
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương Tây.

Mừng ông nghề mới đồ

Anh mừng cho chủ đồ ông Nghè,
Chẳng đồ thì trời cũng chẳng nghe.
Ăn tử² dấm đầu coi rẻ rúng,
Vinh quy ất hẳn rước từng xòe.
Rượu ngon á nọ khôn đường tránh,³
Hoãn⁴ đẹp nàng này khó nhẽ che.
Hiển quý đến nay đã mới rõ,
Rõ từ những lúc tổng chưa đi.³

¹ Tức một tiền. Ngày xưa, mỗi thi sinh khi vào nộp quyền khảo thi, phải nộp kèm theo một tiền (60 đồng kẽm).

² Ôn vua ban.

³ Câu này rút ý câu ca dao: "Em là con gái dòng trình / Em đi bán rượu qua đình ông nghề. Ông nghề sai lính ra ve. / Trăm lạy ông nghề, tôi đã có con. / - Có con thì mặc có con. / Thất lung cho giòn mà lấy chồng quan."

⁴ Hoãn: một loại hoa tai vàng, con gái các nhà quyền quý thường đeo. Câu này rút ý từ câu ca dao: "Ngựa ai bước cửa ông cai / Hoãn ai mà lại ở tại bà nghề".

³ Câu này rút ý câu tục ngữ: "Chưa đồ ông nghề đã đi hàng tổng".

Ngày xuân dặn các con

Tuổi xuân, thêm được tác rầu phờ,
Nay đã năm mươi có lẽ ba.
Sách vở ích gì cho buổi ấy,
Ao xiêm nghi lại thẹn thân già.
Xuân về ngày loạn càng lơ lảo,
Người gặp khi cùng cũng ngắt ngo.
Lần thân lấy chi đền tác bóng,
Sao con đàn hát vẫn say sưa?

Nghe hát đêm khuya

Một khúc đêm khuya tiếng đã chảy,
Nửa chén mặt nước nửa tảng mây.
Nghĩ mình vườn cũ vừa lui bước,
Ngán kẻ phương trời chẳng dứt dây,
Bè liễu thành Đai¹, thời cũng xếp,
Trông lan ngô tời² ngắt nào hay.

Tác gia tự dịch bài *Xuân nhất thị chư nhi*.

¹ Bè liễu thành Đai: theo *Thái Bình quang kỳ* và *Toàn Đường thi thoại*. Hàn Hoanh người đất Nam Dương, gởi thơ, kết duyên với người kỹ nữ là Liễu thị ở phố Chương Đai thuộc Trương An. Hàn làm quan xa, không may kinh đô có biến, hai người cách trở. Khi loạn yên, Hàn cho người đem vàng bạc và bài thơ *Chương đại liễu* để tìm thăm Liễu thị. Liễu thị nhận được và đề thơ trả lời có ý hỏi tiếc vì sau năm năm loạn, phân minh rơi vào tay bọn cướp làm sao con như cũ nữa. *Truyện Kiều* có câu: *Khi về hỏi liễu Chương Đai / Canh xuân đã bé cho người chuyên tay*.

Tác gia dung lại điển này có ý tự nhủ mình không nên hỏi tiếc qua khứ, yên với phần về hưu.

² Trong lan ngô tời: thoát từ thanh ngữ "Lan sinh u cốc" nghĩa là hoa lan

*Từ xưa mặt ngọc ai là chẳng...
Chén rượu bên đèn luống tỉnh say¹.*

Nguyên đán ngẫu vịnh

*Nghĩ ta ta cũng sướng ra mà!
Mừng thấy con ta dựng được nhà.
Năm mới lệ thường thêm tuổi một,
Cỏ phe ngồi đã tróc bàn ba¹.
Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu dốc
Chữ “dại”² đầu năm xô túi ra.
Một khóm thủy tiên năm bảy cụm,
Xanh xanh như sắp thập thò hoa.*

Nhất vợ nhì giời

*Nghĩ chuyện trần gian cũng nực cười!
Giời nào hơn vợ, vợ hơn giời?
Khôn đến mẹ mảy là có một,
Khéo như con tạo cũng thời hai.*

mã sinh trong hang tối thì thom tho cũng chẳng ai biết tối. Đây có lẽ tác giả nói về thân phận ố ản của mình.

¹ Tác giả tự dịch bài *Ca tịch*.

¹ *Cỏ phe*. Trước đây, trong làng thường có nhiều phe giáp chia theo từng khu vực trong làng, do dân tự chia với nhau để tiện việc chia cắt việc công, tổ chức tế lễ, việc làng. *Tróc bàn ba*: đầu cỏ thứ ba, nghĩa là người thứ chín trong số những người nhiều tuổi nhất (mỗi mâm bốn người). Ở Vị Hạ không có lệ cỏ 1, 2, 3 người.

² *Chữ dại*: ý nói cuồng chữ.

*Giời dẫu yêu vì, nhưng có phận,
Vợ mà vụng dại, dèch ăn ai.
Có sao vợ lại hơn giời nhi?
Vợ chỉ hơn giời có cái chai!*

Nhớ cảnh chùa Đọi

*Già yếu xa xôi bấy đến nay,
Làng chơi loáng thoáng lại buồn thay!
Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá.
Sự cụ nằm chung với khói mây
Dặm thế ngô đầu tảng trúc ấy,
Thuyền ai khách đọi bên đầu đày?
Chuông trưa vắng tiếng người không biết,
Trâu thả sườn non ngừ gốc cây¹.*

Nước lụt Hà Nam

*Quai mễ Thanh Liêm đã lở rồi,
Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi
Gạo dầm ba bát cơ còn kém,
Thuế một vài nguyên đáng vẫn đòi.
Tiếng sáo vo ve chiều nước vọng.
Chiếc thuyền len lỏi bóng trăng trôi.
Đi đâu cũng thấy người ta nói,
Mười chín năm nay lại cát bồi.*

¹ Tác giả tự dịch bài *Úc Long Đọi sơn*.

Ông phỗng đá

*Người đâu tên họ là gì?
Hỏi ra chích chích chi chi¹ nực cười!
Vất tay ngành mặt trông trời.
Còn toan lo tính sự đời chi đây?
Thấy lão đá lạ lòng muốn hỏi:
Cớ làm sao len lỏi đến chi đây?
Hay mảng vui hoa cỏ nước non này.
Chùng cũng muốn đan tay vào hội lạc²?
Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc,
Thương hải thuy tri ngã diệc âu³.
Thôi cũng đừng nghĩ chuyện đầu đầu,
Túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác.
Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác,
Chén chủ, chén anh, chén tôi, chén bác,
Cuộc tình say, say tình một vài câu.
Nên chăng đá cũng gặt đầu.*

¹ Chích chích chi chi: có vẻ ngây ngô, khờ khạo.

² *Hội lạc*: do điển một hội hưởng vui (Lạc xã) của một số nhà thơ đời Tống.

³ Cả hai câu có nghĩa: Ta tự cười đầu đã bạc phơ như đầu chim hạc trong chốn núi xanh; ai có hay đâu ta cũng như con chim âu ung dung nơi biển xanh

Phú đặc^(*)

Bà già đã bảy mươi tu,
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng.

*Đã trót sinh ra kiếp má đào,
Bảy mươi tư tuổi có là bao?
Xuân xanh xấp xỉ hàng răng rụng,
Ngày vắng ăn cần mảnh giấy trao.
Chữ nhất nhi chung¹ đành đã vậy,
Câu tam bất hiếu² nữa làm sao?
May mà chim được ông chồng trẻ,
Họa có sinh ra được chút nào?*

Tạ người cho hoa trà

*Tết đến người cho một chậu trà,
Đương say ta chẳng biết rằng hoa.
Da môi, tóc bạc, ta già nhỉ?
Áo tía đai vàng, bác đấy a!
Mưa nhỏ, những kính phùng xô lá!
Gió to, luống sợ nó rơi già.
Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi,
Đếch thấy mùi thơm một tiếng khà!^(**)*

^(*) Phú đặc là lối trình bày sự việc cụ thể.

⁽¹⁾ Nói người phụ nữ chỉ lấy một người chồng cho đến khi chết.

⁽²⁾ Bất hiếu có ba điều, không có con là điều lớn nhất.

^(**) Tác giả tự dịch bài *Sơn trà*.

Tặng bà Hậu Cẩm

*Nghĩ xem đẹp nhất ở làng Và,
Tiếng gọi rằng già cũng chưa già
Làn sóng liếc ngang đời mắt phượng
Tóc mây rủ xuống một đuôi gà
Nói năng duyên dáng coi như thế...
Đi đứng khoan thai thế cũng là...
Nghe nói muốn thôi, thôi chưa được,
Được làm dở dở đã thôi a?*

Tặng đốc học Hà Nam

*Ai rằng ông đại với ông diên,
Ông đại sao ông biết lấy tiền?
Cây cái bằng vàng treo nhị giáp,
Khoét thẳng mặt trắng¹ lấy tam nguyên²
Đầu nhà vừa thoát sừng trâu đỏ,
Phép nước xin chừa móng lợn đen³
Chi cốt túi mình cho nặng chật,
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.*

¹ Do câu "Bạch diện thư sinh" chỉ người học trò.

² Ba đồng bạc; còn đồng âm với chữ "Tam nguyên" là đồ đầu luôn ba khoa: thi Hương, thi Hội và thi Đình.

³ Âm chỉ việc ông đốc học này đã có lần bị Tây đá đít.

Than già

*Tháng ngày thấm thoát tựa chim bay,
Ông gắm mình ông, nghĩ cũng hay.
Mái tóc chòm xanh, chòm lôm đôm,
Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung lay.
Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ
Khấp khểnh ba chân dò tình say¹
Còn một nỗi này thêm chán ngắt,
Đi đâu giờ nhùng cối cùng chày².*

Than mùa hè

*Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thực oi ả,
Tiếng dế kêu thiết tha,
Đàn muỗi bay toả.
Nỗi ấy ngò cùng ai,
Cảnh này buồn cả dạ.
Biêng nháp năm canh chầy,
Gà đã sớm giục già.*

¹ Hai câu này ý nói: nhà thơ tuổi đã già, mắt không còn tỏ phải mang kính, chân đi không vững phải chống gậy.

² Dế giã trâu cho người già.

Than nghèo^(*)

Chẳng khôn cũng biết một hai điều
Chẳng tội gì hơn cái tội nghèo.
Danh giá đường này không nhẽ bán,
Nhân duyên đèn thếp hãy còn theo.
Tấm lòng nhi nữ không là mấy,
Bực chi anh hùng lúc túng tiêu.
Có lẽ phong trần đâu thẽ mãi,
Chôn này tình phụ, chôn kia yêu¹.

Than nợ

Quán chi công nợ có là bao!
Nay đã nên to đến thế nào?

Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi²,
Chục năm chục bảy tính nhiều sao³?
Ra đường kẻ cả dưng chân hôi⁴,
Vào cửa người sang giữa mặt chào?
Quyết chí phen này trang trải sạch,
Cho đời rõ mặt cái thẳng tao.

^{*} Có thể bài này làm khi tác giả đã đỗ cử nhân. Chú ý câu: "Danh giá đường này không nhẽ bán".

¹ Ca câu: chôn này chỉ nơi giàu có; chôn kia chỉ nơi trọng chữ nghĩa, văn chương.

² *Lãi mẹ, lãi con*: nợ đến kỳ không trả được, lãi tính gộp vào gốc rồi cứ thế nhân lên mãi.

³ *Chục năm, chục bảy*: như cách nói ngày nay: 50%, 70% gốc.

⁴ Câu này ý nói: Vay nợ của người giàu sang nên ra dương bị họ hỏi nợ.

Thấy đồ ve gái goá

Thấy bảo rằng thầy yêu cháu đây!
Thầy yêu mẹ cháu có ai hay?
Bác cần câu cũ không hờ hững¹,
Cầm kinh tinh xưa vẫn đấng cay.²
Ở góa, thế gian nào mấy mu?
Đi ve, thiên hạ thiếu chi thầy!
Yêu con cũng muốn cho thầy dạy,
Dạy cháu nên rồi mẹ cháu ngày!³

Thơ khuyên học

Đen thì gàn mực, đỏ gàn son³.
Học lấy cho hay, con hời con!
Cái bút, cái nghiên là của quý.
Câu kinh, câu sử, ấy mùi ngon!
Vàng mua chưa để, vàng hay hết,
Chữ bán dư ăn, chữ hãy còn.

¹ *Bác cần*: do câu tục ngữ: *Muốn sang thì bác cần câu kiêu / Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

² *Cầm kinh*: do câu tục ngữ: *Trách người quân tử bạc tình / Co gương má để bên mình chằng soi.*

Có ý nói: người đàn bà góa che giấu nhát gan trong việc ve gái.

³ Tự dịch bài *Thiên sư*.

⁴ Ca câu: mực dung để viết chữ nho ngày xưa màu đen, thường được đóng thành thời dai hình ống hoặc hình hộp. Khi nao cần viết mới đem mai với nước. Sơn là một loại đá đỏ, tương đối mềm và mịn, khi dung cùng đem mai với nước để chấm câu và để thầy đồ khuyên, chấm bai.

*Nhờ Phật một mai nên đấng cả¹,
Bồ công cha mẹ mới là khôn.*

Thu ẩm^(*)

*Nấm gian nhà cỏ² thấp le te,
Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.
Lung giậu phất phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?
Mắt lão không vầy³ cũng dò hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy.
Độ năm ba chén đã say nhè.*

Thu điếu^(**)

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tèo tèo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối, buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

¹ *Đấng cả*: đấng bậc ở địa vị cao sang, có tiếng tăm. Đây ý nói đồ đạt làm quan.

² *Uống rượu mùa thu*.

³ *Nhà cỏ*: nhà tranh.

⁴ *Vầy*: tiếng cổ nghĩa là vầy vò, dui, xét, sờ mó.

⁵ *Câu cá mùa thu*.

Thu vịnh^(*)

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mây chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhàn hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào¹.*

Trở về vườn cũ

*Vườn Bùi chôn cũ
Bốn mươi năm, lụ khụ lại về đây².
Trông ngoài sân đua nở mấy chồi cây,
Thú khâu hác làm tuyền âu cũng thế³!
Bành Trạch cảm xoang ngâm trước ghế⁴,
Ôn công rượu nhạt chuốc chiều xuân⁵.*

Vịnh mùa thu.

¹ Ông Đào: tức Đào Tiềm (365 - 427 đời Đông Tấn), hiệu Uyên Minh, là một trong những nhà thơ lớn của Trung Quốc.

² Năm 1843, nhà Nguyễn Khuyến chuyển về xứ Vườn Bùi (nay thuộc làng Vị Hạ, xã Yên Đỗ cũ), con Nguyễn Khuyến cáo quan về năm 1884, nhà ông ở đây đã hơn bốn mươi năm. Nên hiểu 2 câu này theo ý ngắt câu: "Vườn Bùi chôn cũ bốn mươi năm, lụ khụ lại về đây".

³ *Khâu hác, làm tuyền*: núi khe, rừng suối, chỉ nơi các danh sĩ ở ẩn.

⁴ *Bành Trạch*: tên một huyện cũ của tỉnh Giang Tây (Trung Quốc). Đây chỉ Đào Tiềm đời Tấn đã làm quan huyện lệnh Bành Trạch bỏ quan về ở ẩn.

⁵ *Ôn công*: tức Tư Mã Quang (1019 - 1086), tự Quán Thập, hiệu Vũ Tấu, là

*Ngọn gió xuân ngảnh lại lệ dầm khăn,
Tình thương hải tằng điền qua mây lớp¹
Người chớ giận Lỗ hầu chẳng gặp²,
Nhu lo phơ tóc trắng lại làm chi?
Muốn về sao chẳng về đi!*

Tự trào

*Ta cũng chẳng giàu, cũng chẳng sang
Chẳng gầy chẳng béo, chi lằng nhằng.
Cờ đang dở cuộc, không còn nước³,
Bạc chưa thâu canh, đã chạy lằng⁴.
Mở miệng nói ra gân bat sách,
Mềm môi chén mãi tit cung thang.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhi!
Thế cùng bìa xanh, cũng báng vàng!*

một nhà sư học, học giả Trung Quốc. Thừa tướng thời Bắc Tống, tước Ôn Quốc công. Ông cũng cao quan về ở ẩn và thương chỉ uống rượu tiêu sầu.

¹ *Thương hải, tằng điền*: nghĩa đen là bể xanh, nương dàu. Trong văn chương có thương dùng thành ngữ “bãi bể, nương dàu” để chỉ sự biến chuyển của cuộc đời. Đây cũng dùng theo ý ấy.

² *Lỗ hầu*: chỉ Lỗ Bình công thời Chiến quốc. Điển cũ nói Mạnh Tử không gặp được Lỗ Bình công để có cơ hội giúp dân trị nước, cũng là do trời, không đang ăn hân gì. Đây có hàm ý: nhà thơ phải bỏ quan về cũng là do không gặp được vua hiền, chúa giỏi, do thời thế xui nên.

Tác giả tự dịch *Bùi viên cựu trách ca*.

³ Cả câu: tác giả lấy việc đánh cờ bị bị nước đi.

⁴ Cả câu: tác giả lấy việc đánh bạc giữa chung thời non chạy lang để ngụ ý mình chưa trọn cuộc đời làm quan mà phải bỏ về.

Uống rượu ở vườn Bùi^(*)

*Tuy Ông¹ ý chẳng say về rượu,
Say vì dàu, nước thấm với non cao.
Non lặng ngắt, nước tuôn ào,
Tôi với bác xưa nay cùng thích thế.
Đời trước thánh hiền đều vắng vẻ,
Có người say rượu tiêng còn nay².
Cho nên say, say khướt cả ngày,
Say mà chẳng biết rằng say ngã dưng.
Chu Bá Nhân³ thuê trước sang sông.
Chỉ tỉnh rượu ba ngày không phải it.
Kêu gào thế cười chi cho mệt,
Chớ buồn chi nghe tiếng hát lằng say
Xin người gắng cạn chén này.³*

Đề này mới chỉ dịch một phần nguyên văn đề bài chữ Hán “Bùi viên đối ẩm trích cú ca” (bài ca trích các câu thơ cổ khi tiếp rượu ở vườn Bùi). Đây là một bài thơ thể ca tru.

¹ *Tuy Ông* (“Ông say”): tên hiệu của Âu Dương Tu đời Tống, tác gia của bài *Tuy Ông đình kỷ* (bài kỷ đình Ông say).

² Dịch câu “*Cổ kim thanh hiền giai tịch tịch, Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh*” của Lý Bạch.

³ *Chu Bá Nhân*: tức Chu Nghị tự là Bá Nhân người An Thành, đời Tấn, làm quan đến Thượng thư Tả bộc dịch, gặp loạn ông cáo quan về ẩn ở Giang Đông, uống rượu say liên miên, có khi chỉ tỉnh được ba ngày là lâu nhất. Tác giả tự dịch bài *Bùi viên đối ẩm trích cú ca*.

Vẻ hay ở

Văng vẳng tai nghe tiếng chích chòe
Lặng đi kéo động khách lòng quê.
Nước non có tớ càng vui vẻ,
Hoa nguyệt nào ai đã đắm mê?
Quyên đã gọi hè quang quác quác,
Gậy từng gậy sáng tè tè te.
Lại còn giục già về hay ở?
Đôi gót phong trần vẫn khỏe khoe.

Vịnh lụt

Ty trước Ty này chục lẻ ba,
Thuận dòng nước cũ lại bao la.
Bóng thuyền thấp thoáng giòng trên vách,
Tiếng sóng long bong vỗ trước nhà.
Bác bác người còn chờ chưa đến,
Đóng bè ta phải trước vua ra.
Sửa sang việc nước cho yên ổn,
Trời đã sinh ta ắt có ta.

Vịnh mùa hè

Biếng trông trời hạ nước non xa,
Ý khi ngày thường nghỉ đã tro.
Cá vượt khóm rau lên mặt nước,
Bướm lên lá trúc lượn rềm thưa.

*Thơ Đào⁽¹⁾ cửa miệng đưa câu rượu
Xóm Liễu⁽²⁾ quanh khe chịu tiếng khờ.
Nhân hứng cũng vừa toan cất chén,
Sấm động rầm rập gió nồm đưa.^(*)*

Vịnh núi An Lão

*Mặt nước mênh mông nổi một hòn,
Núi già nhưng tiếng vẫn còn non⁽³⁾,
Mảnh cây thưa thớt đầu như trọc,
Ghềnh đá long lanh ngấn chứa mòn.
Một lá⁽⁴⁾ về đâu xa thăm thẳm,
Nghìn nhà trông xuống bé con con.
Dấu già đã hẳn hơn ta chữa?
Chống gậy lên cao gối chẳng chồn!*

⁽¹⁾ Xem chú thích (1) bài *Thu vịnh*.

⁽²⁾ Liễu Tôn Nguyên (773-819), tự *Từ Hậu*, là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng thời trung Đường, Trung Quốc. làm quan đến chức Giám sát ngự sử, bị vua bắt tội, phải về quê, tự cho mình là ngu dại.

⁽³⁾ Tác giả tự dịch bài *Hạ nhật ngẫu hứng*.

⁽⁴⁾ Tác giả chơi chữ, tên núi là An Lão (lão: già) nhưng người ta thường nói “núi non”.

⁽⁴⁾ Con thuyền.

Vịnh phổng sành

Ông đứng làm chi đó hơi ông?
Trơ trơ như đá vũng như đồng.
Đêm ngày gìn giữ cho ai đó?
Non nước đầy voi có biết không?¹⁾

Vịnh su

Đầu trọc lóc bình vôi,
Nhảy tót lên chùa ngời.
I a kinh một bộ,
Lóc cóc mỗ ba hồi.
Com chẳng cần cá thịt,
Ăn rặt oản, chuối, xôi.
Không biết câu tình dục,
Đành chịu tiếng mỗ coi.

Vịnh tiến sĩ giấy kỳ I

Rõ chú hoa man²⁾ khéo vẽ trò,
Bỡn ông mà lại dứ thẳng cu.
Mây râu mặt đỏ chừng bao tuổi,
Giấy má nhà bay đáng mấy xu?

¹⁾ Dị bản: Bể nước đầy voi có biết không?

²⁾ Người thợ làm nghề hàng mã.

Bán tiếng mua danh thầy lữ trẻ,
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu.
Hỏi ai muốn ước cho con cháu,
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

Vịnh tiến sĩ giấy kỳ II

Cùng cò, cùng biển, cùng cân đai.
Cùng gọi ông nghề có kém ai.
Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng¹⁾,
Nét son điểm rõ mặt văn khôi²⁾.
Tám thân xiêm áo sao mà nhẹ?
Cái giá khoa danh thế mới hời³⁾!
Ghế treo, lọng xanh ngồi bảnh chọe,
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi!

¹⁾ Bảng đề tên từ học vị tiến sĩ trở lên, trái với Ất bảng là bảng đề tên học vị Phó bảng.

²⁾ Văn khôi: đầu làng văn, chỉ người đỗ đạt cao.

³⁾ Hời: tiếng cổ, nghĩa là rẻ, dễ dãi.

II. THƠ CHỮ HÁN^(*)

Bài muộן (kỳ I)

*Nam sơn viễn viễn hiếu lới minh,
Tự hương nhân gian tố bất bình.
Nhất xuất điện quang thiên hữu thuấn,
Tài qua phong tín trúc vô thanh.
Bộn gian thử tổ sần nùng đạм,
Dã ngoại cư phu⁽¹⁾ đố vũ tình.
Tri tửu cách lý đối lân tẩu,
Hà phương sách sách thoại tang canh.*

Giải buồn (bài I)

*Sáng nay sấm động tự non xa,
Nhu tỏ cãm hờn với chúng ta.
Chóp lóe trời như đang nháy mắt.
Gió im trúc lại lặng như tờ.
Quanh nôi chú chuộт ché nông nhạt,
Ngoài nôi chàng cư gấт nắng mưa.*

^(*) Để bạn đọc tiện thường ngoạn tác phẩm chữ Hán của Nguyễn Khuyến, chúng tôi không đưa bản dịch nghĩa vào sách này. Cách trình bày văn bản được thống nhất của cuốn sách: bài thơ phiên âm chữ Hán được in *ngheĩng đậm*, bản dịch thơ được in *ngheĩng không đậm*.

⁽¹⁾ Chim cưu, chàng chim cú trời mưa lại đuổi vợ đi, nắng mới gọi vợ về.

*Cách giậu mời ông hàng xóm chén.
Chuyện tràn thóc lúa với tầm tơ!*

NGUYỄN VĂN TÚ dịch

Bố Vệ kiểu hoài cổ^(*)

*Thử hương thủy thạch lâm tuyên địa.
Tiền đại y quan lễ nhạc đình
Đồng đình vô nhân mi lộc ngoạ,
Nguyên điền hữu vũ thử miêu thanh.
Bá vương hưng phế đắng nhân sự,
Kim cổ vắng lai nhân thế tình.
Trù trưởng kiểu đầu tần diểu vọng,
Vân yên thụ tế nhất cẩм thanh.*

Trên cầu Bố Vệ, chạnh nhớ chuyện xưa

*Áy đất đên đài nghi lễ cũ,
Nay nơi rừng núi, suối khe rồi.
Bãi bờ người vắng, hươu nai nhỏn,
Đồng ruộng mưa nhuần, lúa mạ tươi.
Còn mắt tình đời đau quặт dạ,
Bá vương sự thế, gác ngoài tai.
Đầu cầu, xa ngắm thêm buồn bã,
Mây khói vương cây, tiếng hạc trời.*

NGUYỄN VĂN HUYẾN dịch

^(*) Cầu Bố Vệ, quen gọi cầu Bố, thuộc huyện Đông Sơn, gần TP. Thanh Hóa.